

Số: 44 /2024/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ

**Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu nhập khẩu
từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bốc xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này hai (02) quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, bao gồm:

1. QCVN 32:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhựa và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất;

2. QCVN 33:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 06 tháng kể từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các thông tư sau hết hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

b) Thông tư số 01/2019/TT-BTNMT ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định ngưng hiệu lực thi hành một số quy định của Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Thông tư số 09/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

3. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Phế liệu nhựa và mẫu vụn của nhựa, giấy được phép nhập khẩu từ nước ngoài theo giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc giấy phép môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất có hiệu lực thi hành tiếp tục được áp dụng quy chuẩn kỹ thuật QCVN 32:2018/BTNMT, QCVN 33:2018/BTNMT (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường) đến hết hiệu lực của giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất đề nghị áp dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư này;

b) Lô hàng phế liệu nhựa và mẫu vụn của nhựa, giấy nhập khẩu thực hiện thủ tục hải quan trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xem xét, giải quyết theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất đề nghị thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT;
- Các đơn vị thuộc Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, KHCN.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 32:2024/BTNMT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ PHẾ LIỆU VÀ
MẪU Vụn CỦA NHỰA NHẬP KHẨU TỪ NƯỚC NGOÀI
LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

*National technical regulation on
imported plastic scraps used as raw materials*

HÀ NỘI - 2024

Lời nói đầu

QCVN 32:2024/BTNMT do Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường biên soạn và trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo Thông tư số...../2024/TT-BTNMT ngày.....tháng.....năm 2024.

QCVN 32:2024/BTNMT thay thế QCVN 32:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ PHÉ LIỆU VÀ MẪU Vụn CỦA
NHỰA NHẬP KHẨU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**
***National technical regulation on imported plastic scraps used as
raw materials***

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.1.1. Quy chuẩn này quy định các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; các yêu cầu kỹ thuật, quản lý và mã HS quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chuẩn này.

1.1.2. Quy chuẩn này không điều chỉnh đối với phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu từ các doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu và sử dụng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; các tổ chức đánh giá sự phù hợp có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu và mẫu vụn của nhựa từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

1.2.2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu và mẫu vụn của nhựa phát sinh từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. *Tạp chất* là các chất, vật liệu không phải là nhựa lẫn trong phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu, bao gồm các chất, vật liệu bám dính hoặc không bám dính vào phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu. Tạp chất gồm hai loại: tạp chất là chất thải nguy hại và tạp chất không phải là chất thải nguy hại.

1.3.2. *Mã HS phế liệu nhập khẩu* là mã số phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu ghi trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành và Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

1.3.3. *Lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu* là lượng phế liệu và mẫu vụn của nhựa do một tổ chức, cá nhân nhập khẩu đăng ký thực hiện thủ tục hải quan cho một lần nhập khẩu vào Việt Nam; một lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu có thể gồm một hoặc một số khối hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác nhau.

1.3.4. *Khối hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu* là lượng phế liệu và mẫu vụn của nhựa đã được lựa chọn, phân loại riêng theo một mã HS nhất định, thuộc lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa do một tổ chức, cá nhân

nhập khẩu đăng ký thực hiện thủ tục hải quan; khối hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu có thể là một phần hoặc toàn bộ lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu.

1.3.5. *Danh mục phế liệu và mẫu vụn của nhựa được phép nhập khẩu* là các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa kèm theo mã HS được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất được quy định tại Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

1.3.6. *Tổ chức giám định được chỉ định* là tổ chức giám định đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP) và thuộc danh sách các tổ chức giám định được chỉ định thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP). Việc chỉ định, thừa nhận tổ chức giám định nước ngoài thực hiện giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định về phân loại, làm sạch phế liệu

2.1.1. Phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu bao gồm một hoặc một số khối hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa đã được phân loại riêng biệt theo từng mã HS thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2.1.2. Từng khối hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu phải được sắp xếp tách riêng trong lô hàng hoặc công ten nơ nhập khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra giám định tại địa điểm đăng ký thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Trong mỗi khối hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu được phép lẫn lượng phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác so với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu, cụ thể: Tỷ lệ khối lượng phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác (thuộc Danh mục phế liệu và mẫu vụn của nhựa được phép nhập khẩu) so với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu không vượt quá 20% tổng khối lượng của khối hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu;

2.1.4. Phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu phải được loại bỏ các chất, vật liệu, hàng hoá cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu tại Mục 2.3 Quy chuẩn này.

2.2. Quy định về loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa được phép nhập khẩu

2.2.1. Phế liệu nhựa được loại ra từ các quá trình sản xuất mà chưa qua sử dụng.

2.2.2. Bao bì bằng nhựa PET đựng nước khoáng, nước tinh khiết đã qua sử dụng. Bao bì bằng nhựa PET đựng nước uống có ga đã qua sử dụng và đã được loại bỏ hoàn toàn chất lỏng bên trong.

2.2.3. Phế liệu nhựa đã qua sử dụng ở một trong các dạng: khối, cục, thanh, màng, khay, tấm và các hình dạng phẳng khác; pallet, kết nhựa, bao jumbo.

2.2.4. Các loại phế liệu nhựa khác không thuộc các Mục 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3 phải được băm, cắt thành mẫu vụn và làm sạch để loại bỏ các tạp chất (kích thước mỗi chiều của mẫu vụn không quá 10 cm, tỷ lệ các mẫu vụn có kích thước lớn hơn 10 cm không vượt quá 5% khối lượng của lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu).

2.2.5. Các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa quy định tại mục 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3 và 2.2.4 phải đáp ứng yêu cầu quy định tại mục 2.3.

2.3. Tạp chất không được lẫn trong phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu

2.3.1. Hoá chất; chất dễ cháy; chất dễ nổ; chất thải y tế nguy hại; dầu, mỡ có nguồn gốc từ động vật, thực vật.

2.3.2. Vật liệu chứa hoặc nhiễm chất phóng xạ có nồng độ hoạt độ phóng xạ vượt quá mức quy định tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHCHN ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng (Phụ lục II - Mức thanh lý).

2.3.3. Tạp chất là chất thải nguy hại.

2.4. Tạp chất không mong muốn được phép bám dính trong phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu

2.4.1. Tạp chất bám dính như: bụi, đất, cát, dây buộc và vật liệu sử dụng để đóng kiện phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu.

2.4.2. Tạp chất do in ấn, các loại mác, nhãn còn bám dính trên phế liệu và mẫu vụn của nhựa hoặc đã bị rời ra trong quá trình vận chuyển, xếp, dỡ.

2.4.3. Tạp chất khác còn sót lại không phải là nhựa còn bám dính hoặc rời ra từ phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu (trừ Mục 2.4.1 và Mục 2.4.2) đáp ứng yêu cầu tại Mục 2.3 Quy chuẩn này. Trong mỗi lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu, tổng khối lượng các loại tạp chất quy định tại Mục 2.4.3 này không vượt quá 2% khối lượng của lô hàng.

3. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH

3.1. Kiểm tra, giám định đối với phế liệu nhập khẩu

Việc kiểm tra, giám định đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu được thực hiện thông qua kiểm tra, giám định tại hiện trường (kiểm tra

bằng mắt thường) hoặc kiểm tra, lấy mẫu phân tích. Tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật kiểm tra, giám định phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu theo quy định tại Mục 3.1.1 và Mục 3.1.2 Quy chuẩn này. Kết quả kiểm tra phải được lập thành Biên bản theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chuẩn này.

3.1.1. Kiểm tra, giám định tại hiện trường:

a) Hoạt động kiểm tra, giám định tại hiện trường được thực hiện bằng mắt thường đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu với tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên theo mức độ quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật; ước tính tỷ lệ tạp chất, tỷ lệ các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác (quy định tại Mục 2.1.3 Quy chuẩn này).

b) Việc kiểm tra, giám định tại hiện trường phải bao gồm các công việc sau:

- Kiểm tra tổng quát lô hàng: chủng loại, khối lượng phế liệu, chất lượng phế liệu nhập khẩu;
- Chụp ảnh các vị trí kiểm tra;
- Kiểm tra tạp chất đi kèm: xác định loại tạp chất đi kèm, ước lượng tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng tạp chất đi kèm;
- Kiểm tra tỷ lệ các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác (quy định tại Mục 2.1.3 Quy chuẩn này).

c) Căn cứ kết quả kiểm tra, giám định tại hiện trường, lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu được xử lý theo một trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu được kiểm tra, đánh giá phù hợp với Mục 2 của Quy chuẩn này, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 3 Quy chuẩn này cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục thông quan;
- Trường hợp lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu không phù hợp với Mục 2 của Quy chuẩn này, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 3 Quy chuẩn này cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan để xử lý theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp nghi ngờ, chưa xác định được lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu đáp ứng quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này thì thực hiện theo Mục 3.1.2 dưới đây.

3.1.2. Kiểm tra, giám định thông qua lấy mẫu phân tích:

a) Việc lấy mẫu để phân tích, đánh giá chất lượng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu phù hợp với Mục 2 Quy chuẩn này phải bao gồm các công việc sau:

- Tiến hành lấy mẫu đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu theo phương pháp tại Mục 3.2.1 Quy chuẩn này, chụp ảnh tất cả các vị trí kiểm tra và các vị trí lấy mẫu. Việc lấy mẫu, niêm phong, bàn giao mẫu phải được thể hiện trong Biên bản kiểm tra theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chuẩn này;
- Xác định, đánh giá các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này. Trường hợp có sử dụng kết quả đo, phân tích, thử nghiệm, kết quả này phải được thực hiện bởi tổ chức quy định tại Mục 4.3 Quy chuẩn này;
- Đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu phải lấy từ 02 (hai) mẫu đại diện trở lên theo quy định tại Mục 3.2.1 Quy chuẩn này, kết quả giám định đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu là giá trị trung bình của các kết quả đo, phân tích, thử nghiệm mẫu đại diện.

b) Căn cứ kết quả đo, phân tích, thử nghiệm mẫu, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật, tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 3 Quy chuẩn này cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3.2. Lấy mẫu và xác định các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu:

3.2.1.1. Lấy mẫu để xác định tỷ lệ khối lượng, thành phần tạp chất:

a) Đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu là hàng rời (không chứa trong công ten nơ):

01 (một) mẫu đại diện là mẫu được lấy ngẫu nhiên tại 05 (năm) vị trí bất kỳ ở các điểm khác nhau của lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu (với khoảng cách giữa các điểm lấy mẫu tương đối đồng đều bảo đảm tính đại diện, theo một trong các hình: hình chữ nhật, hình vuông, hình chóp tam giác, hình chữ Z,...). Tổng khối lượng mẫu đại diện tối thiểu 50 kg. Trường hợp nghi ngờ lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu không đảm bảo yêu cầu quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này, tổ chức giám định được chỉ định thực hiện lấy bổ sung mẫu đại diện của lô hàng theo phương pháp lấy mẫu quy định tại mục này, nhưng không quá 03 (ba) mẫu đại diện.

b) Đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu chứa trong các công ten nơ:

- Việc giám định chất lượng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu được thực hiện trên cơ sở lấy và phân tích mẫu đại diện. Một mẫu đại diện bao gồm một hoặc một số mẫu ngẫu nhiên được trộn đều với nhau, sau đó lấy ra tối thiểu 10 kg từ khối mẫu đã được trộn đều để làm mẫu đại diện (khối lượng mẫu đại diện tối thiểu 10 kg);

- Mẫu ngẫu nhiên là mẫu được lấy tại 05 (năm) vị trí bất kỳ ở các điểm khác nhau của một công ten nơ được lựa chọn (với khoảng cách giữa các vị trí lấy mẫu tương đối đồng đều bảo đảm tính đại diện, theo một trong các hình: hình chữ nhật, hình vuông, hình chóp tam giác, hình chữ Z,...). Khối lượng một mẫu ngẫu nhiên tối thiểu 10 kg;

- Đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu có dưới 05 công ten nơ, lựa chọn 01 công ten nơ để lấy mẫu ngẫu nhiên và được coi là mẫu đại diện cho lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu;
- Đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu có từ 05 đến dưới 20 công ten nơ, lựa chọn 02 công ten nơ để lấy mẫu ngẫu nhiên. Mẫu đại diện là mẫu trộn đều của 02 mẫu ngẫu nhiên;
- Đối với lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu có từ 20 công ten nơ trở lên, lựa chọn 10% số công ten nơ để lấy các mẫu ngẫu nhiên (số lượng mẫu ngẫu nhiên được làm tròn số). Trường hợp số mẫu ngẫu nhiên nhỏ hơn 10 mẫu, các mẫu này được trộn đều với nhau thành một mẫu đại diện. Trường hợp số mẫu ngẫu nhiên lớn hơn 10 mẫu, cứ mỗi 10 mẫu ngẫu nhiên được trộn đều thành một mẫu đại diện; số mẫu ngẫu nhiên lẻ còn lại (nếu có) được trộn đều thành một mẫu đại diện. Một lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu có thể có một hoặc một số mẫu đại diện.

3.2.1.2. Lấy mẫu để xác định tỷ lệ các mẫu vụn có kích thước lớn hơn 10 cm:

Đối với trường hợp phế liệu và mẫu vụn của nhựa phải băm, cắt (quy định tại Mục 2.2.4 Quy chuẩn này), mẫu đại diện được lấy tại 05 (năm) vị trí bất kỳ ở các điểm khác nhau (với khoảng cách giữa các điểm lấy mẫu tương đối đồng đều bảo đảm tính đại diện, theo một trong các hình: hình chữ nhật, hình vuông, hình chóp tam giác, hình chữ Z,...) của một công ten nơ ngẫu nhiên hoặc của một khối hàng rời và được trộn đều với nhau thành một mẫu đại diện của lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu. Khối lượng mẫu đại diện tối thiểu 10 kg.

3.2.1.3. Lấy mẫu để xác định tỷ lệ phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu (quy định tại Mục 2.1.3 Quy chuẩn này):

Lựa chọn ngẫu nhiên một khối hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu khai báo để lấy mẫu đại diện. Mẫu đại diện được lấy tại 05 (năm) vị trí bất kỳ ở các điểm khác nhau (với khoảng cách giữa các điểm lấy mẫu tương đối đồng đều bảo đảm tính đại diện, theo một trong các hình: hình chữ nhật, hình vuông, hình chóp tam giác, hình chữ Z,...) của một công ten nơ ngẫu nhiên hoặc của một khối hàng rời và được trộn đều với nhau thành một mẫu đại diện của lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu. Khối lượng mẫu đại diện tối thiểu 10 kg.

3.2.2. Phương pháp xác định tỷ lệ tạp chất (từ mẫu đại diện lấy theo phương pháp tại Mục 3.2.1.1 nêu trên):

Tiến hành tách, phân loại các tạp chất bằng các phương pháp cơ, lý để tách riêng tạp chất khỏi phế liệu và mẫu vụn của nhựa và cân khối lượng của các tạp chất này.

Tỷ lệ phần trăm (%) tạp chất là tỷ lệ khối lượng các tạp chất so với tổng khối lượng mẫu đại diện.

3.2.3. Phương pháp xác định tỷ lệ các mẫu vụn có kích thước lớn hơn 10 cm (quy định tại Mục 2.2.4 Quy chuẩn này) từ mẫu đại diện (lấy theo phương pháp tại Mục 3.2.1.2 nêu trên):

Tiến hành phân loại các mẫu vụn nhựa có kích thước lớn hơn 10 cm.

Tỷ lệ phần trăm (%) các mẫu vụn có kích thước lớn hơn 10 cm là tỷ lệ khối lượng các mẫu vụn có kích thước lớn hơn 10 cm so với tổng khối lượng mẫu đại diện.

3.2.4. Phương pháp xác định tỷ lệ phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu (quy định tại Mục 2.1.3 Quy chuẩn này) từ mẫu đại diện (lấy theo phương pháp tại Mục 3.2.1.3 nêu trên):

Tiến hành phân loại các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác với mã HS khai báo.

Tỷ lệ phần trăm (%) các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác với mã HS khai báo là tỷ lệ khối lượng các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác so với tổng khối lượng mẫu đại diện.

3.2.5. Phương pháp xác định thành phần tạp chất (từ mẫu đại diện lấy theo phương pháp tại Mục 3.2.1.1 nêu trên):

a) Việc xác định nồng độ hoạt độ phóng xạ của lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu thực hiện theo TCVN 7469:2005 (ISO 11932:1996) - Tiêu chuẩn quốc gia về An toàn bức xạ - Đo hoạt độ vật liệu rắn được coi như chất thải không phóng xạ để tái chế, tái sử dụng hoặc chôn cất.

b) Việc xác định chất thải nguy hại, ngưỡng chất thải nguy hại trong lượng tạp chất tách ra từ phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu theo QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại được ban hành theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

4. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Lô hàng phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu vào Việt Nam phải được kiểm tra, giám định, đánh giá sự phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Mục 2 Quy chuẩn này. Kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật là cơ sở để Cơ quan Hải quan thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

4.2. Việc giám định phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu được thực hiện bởi tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

4.3. Việc lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm xác định tỷ lệ tạp chất, tỷ lệ các mẫu vụn có kích thước lớn hơn 10 cm, tỷ lệ các loại phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu được thực hiện bởi tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

Việc xác định ngưỡng chất thải nguy hại phải được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định pháp luật.

Việc xác định các thông số khác (nếu có) được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

4.4. Tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Tài liệu gửi kèm theo Chứng thư giám định bao gồm: Biên bản kiểm tra; Ảnh chụp các vị trí kiểm tra, vị trí lấy mẫu; Phiếu trả kết quả đo, phân tích, thử nghiệm của các mẫu đại diện (trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm) được cung cấp bởi tổ chức quy định tại Mục 4.3 Quy chuẩn này.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Cơ quan Hải quan và tổ chức, cá nhân liên quan đến việc nhập khẩu phế liệu và mẫu vụn của nhựa từ nước ngoài phải tuân thủ quy định tại Quy chuẩn này.

5.2. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

5.3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. Trường hợp các tiêu chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo văn bản mới./.

Phụ lục 1

Danh mục phế liệu và mẫu vụn của nhựa được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 32:2024/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

TT	Tên phế liệu	Mã HS
1	Từ các polyme từ etylen: Dạng xốp, không cứng	3915 10 10
2	Từ các polyme từ etylen: Loại khác	3915 10 90
3	Từ các polyme từ styren loại khác: Polyme Styren (PS), Acrylonitrin Butadien Styren (ABS), High Impact Polystyrene (HIPS), Expanded Polystyrene (EPS)	3915 20 90
4	Từ các polyme từ vinyl clorua: Loại khác	3915 30 90
5	Từ plastic khác:	
	Từ poly (ethylene terephthalate) (PET)	3915 90 10
	Từ polypropylen (PP)	3915 90 20
	Từ polycarbonat (PC)	3915 90 30
	Loại khác: Polyamit (PA); Poly Oxy Methylene (POM); Poly Methyl Methacrylate (PMMA); Thermoplastic Polyurethanes (TPU); Ethylene Vinyl Acetate (EVA); Nhựa Silicon loại ra từ quá trình sản xuất và chưa qua sử dụng.	3915 90 90

Phụ lục 2
Mẫu biên bản kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu
làm nguyên liệu sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra, giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu

Căn cứ quy định tại QCVN 32:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Hôm nay, vào hồi..., ngày ..., tại..... chúng tôi tiến hành kiểm tra, giám định chất lượng lô hàng phế liệu nhập khẩu, với các nội dung như sau:

1. Thành phần tham dự

1.1. Tổ chức giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu:

Ông/bà:, chức vụ:

1.2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu:

Ông/bà:, chức vụ:

2. Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu và lô hàng phế liệu kiểm tra

- Tên tổ chức, cá nhân:

- Địa chỉ:

- Giấy phép môi trường số: ngày do (cơ quan) cấp.

- Văn bản xác nhận đã ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (số văn bản và kèm theo đầy đủ các thông tin ký quỹ đã được tổ chức tín dụng xác nhận).

- Thông tin về lô hàng phế liệu nhập khẩu: (Hợp đồng số...; Hóa đơn số...; Vận đơn số...; Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số...; Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) số... (nếu có); Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu số... (nếu có); Ảnh chụp thực tế; Danh mục phế liệu nhập khẩu (nêu rõ tên và mã HS); Số lượng hàng: số công ten nơ/ khối lượng phế liệu thuộc lô hàng rời,...).

3. Nội dung và kết quả kiểm tra, giám định (kiểm tra, giám định hiện trường hoặc kiểm tra, giám định thông qua lấy mẫu phân tích)

3.1. Kiểm tra, giám định tại hiện trường (bằng mắt thường):

3.1.1. Số công ten nơ/phương tiện vận chuyển (hàng rời) đăng ký kiểm tra, giám định:

3.1.2. Số công ten nơ/phương tiện vận chuyển (hàng rời) được kiểm tra, giám định: kiểm tra số lượng công ten nơ lô hàng phế liệu nhập khẩu theo quy định quản lý rủi ro theo hướng dẫn, giám sát của Cơ quan Hải quan hoặc kiểm tra,

giám định các khối hàng rời tại các phương tiện vận chuyển (*ghi cụ thể số hiệu từng công ten nơ/phương tiện vận chuyển được kiểm tra*).

3.1.3. Kết quả kiểm tra, giám định hiện trường bằng mắt thường: kết luận chất lượng của lô hàng phế liệu nhập khẩu đáp ứng yêu cầu của QCVN 32:2024/BTNMT (*ghi rõ đáp ứng, không đáp ứng hay cần phải lấy mẫu phân tích*).

3.2. Kiểm tra, giám định thông qua lấy mẫu phân tích:

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu: (*ghi rõ phương pháp lấy mẫu*);

3.2.2. Thông tin về mẫu đại diện đã lấy:

Ký hiệu mẫu đại diện	Mục đích lấy mẫu	Số lượng mẫu lấy	Khối lượng mẫu (kg)	Công ten nơ/ phương tiện được lấy mẫu	Ghi chú
	Xác định tỷ lệ phế liệu và mẫu vụn của nhựa có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu				
	Xác định tỷ lệ các mẫu vụn có kích thước lớn hơn 10 cm				
	Xác định tỷ lệ khối lượng, thành phần tạp chất				
	Xác định ngưỡng chất thải nguy hại				
					

- Mẫu đại diện được niêm phong có sự chứng kiến và có chữ ký của đại diện ... (*Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu*) và ... (*Tổ chức giám định*). Tem niêm phong mẫu phải bao gồm tối thiểu thông tin về: Ký hiệu mẫu đại diện; Đặc điểm mẫu (kích thước, khối lượng, bao bì chứa đựng mẫu); Thời gian lấy mẫu.

3.2.3. Thông tin về việc bàn giao, lưu giữ mẫu đại diện đã lấy:

- Mẫu đại diện được chia làm 02 đơn vị mẫu: một đơn vị mẫu được giao cho ... (*Tổ chức giám định*); một đơn vị mẫu được giao cho ... (*Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu*) để lưu giữ và bảo quản.

4. Nội dung khác (nếu có):

Biên bản kiểm tra được lập tại, kết thúc lúc ngày..., được lập thành ... bản có giá trị pháp lý như nhau, được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên; mỗi bên tham gia giữ 01 bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3

**Mẫu Chứng thư giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu
làm nguyên liệu sản xuất**

TÊN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ, số điện thoại, fax, e-mail, website,...)

Số/.....

(Địa danh), ngày tháng năm

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU

(Chứng thư giám định phải được thể hiện đầy đủ các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân nhập khẩu, lô hàng phế liệu nhập khẩu và kết quả giám định lô hàng phế liệu nhập khẩu, bao gồm các thông tin chính dưới đây)

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu và lô hàng phế liệu nhập khẩu:

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ:
- Giấy phép môi trường số: ngày do (cơ quan cấp).
- Giấy xác nhận ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:
- Địa điểm kiểm tra, giám định:
- Thời gian kiểm tra, giám định:
- Hợp đồng số:
- Danh mục hàng hóa (phế liệu) số:
- Hóa đơn số:
- Vận đơn số:
- Tờ khai hàng hóa (phế liệu) nhập khẩu số:
- Chứng loại phế liệu nhập khẩu (nêu rõ tên và mã HS):
- Số lượng hàng: số lượng công ten nơ/khối lượng phế liệu thuộc lô hàng rời.

2. Nội dung kiểm tra, giám định: giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu phù hợp QCVN 32:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

3. Phương pháp kiểm tra, giám định: bằng mắt thường hoặc phải lấy mẫu phân tích để xác định (ghi cụ thể phương pháp kiểm tra, giám định từng lô hàng).

4. Kết quả kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu:

4.1. Tỷ lệ mã HS khác so với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu (Mục 2.1.3 QCVN 32:2024/BTNMT):

Phế liệu có mã HS thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu:

- Không vượt quá 20%: ☐

- Vượt quá 20%: ☐

(Trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, cần phải ghi giá trị cụ thể)

4.2. Tỷ lệ các mẫu vụn có kích thước lớn hơn 10 cm (quy định tại Mục 2.2.4 QCVN 32:2024/BTNMT):

- Không vượt quá 5%: ☐

- Vượt quá 5%: ☐

(Trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, cần phải ghi giá trị cụ thể)

4.3. Tạp chất không được lẫn trong phế liệu nhập khẩu (quy định tại Mục 2.4 QCVN 32:2024/BTNMT):

- Không: ☐

- Có: ☐

(Trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, cần phải ghi cụ giá trị kết quả đo, phân tích, thử nghiệm)

4.4. Tỷ lệ khối lượng tạp chất được phép bám dính trong phế liệu nhập khẩu (quy định tại Mục 2.4.3 QCVN 32:2024/BTNMT):

- Không vượt quá 2%: ☐

- Vượt quá 2%: ☐

(Trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, cần phải ghi giá trị cụ thể)

4.5. Nội dung khác theo quy định kỹ thuật tại Mục 2 QCVN 32:2024/BTNMT: (nếu có):

5. Kết luận về chất lượng lô hàng phế liệu nhập khẩu: *(phải đánh giá lô hàng phế liệu nhập khẩu có đáp ứng hay không đáp ứng yêu cầu của QCVN 32:2024/BTNMT).*

Tài liệu gửi kèm theo Chứng thư giám định bao gồm: (1) Biên bản kiểm tra; (2) Ảnh chụp các vị trí kiểm tra, vị trí lấy mẫu; (3) Phiếu trả kết quả đo, phân tích, thử nghiệm của các mẫu đại diện (trường hợp phải sử dụng thiết bị đo nhanh để kiểm tra hoạt độ phóng xạ hoặc phải lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm).

... (Tên tổ chức giám định) ... chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về kết quả kiểm tra, giám định chất lượng lô hàng phế liệu nhập khẩu theo QCVN 32:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu và mẫu vụn của nhựa nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất. Tài liệu, mẫu lưu theo quy định của pháp luật được sử dụng để phân tích, đối chiếu với kết quả kiểm tra, giám định lại (nếu có) trong trường hợp có nghi ngờ kết quả giám định hoặc có khiếu nại, tố cáo, có dấu hiệu vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân./.

GIÁM ĐỊNH VIÊN
(Ký ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN GIÁM ĐỊNH
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 33:2024/BTNMT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ PHẾ LIỆU GIẤY
NHẬP KHẨU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU
SẢN XUẤT**

*National technical regulation on
imported paper scraps used as raw materials*

HÀ NỘI - 2024

Lời nói đầu

QCVN 33:2024/BTNMT do Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường biên soạn và trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo Thông tư số...../2024/TT-BTNMT ngày.....tháng.....năm 2024.

QCVN 33:2024/BTNMT thay thế QCVN 33:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ PHẾ LIỆU GIẤY NHẬP KHẨU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

National technical regulation on

imported paper scraps used as raw materials

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.1.1. Quy chuẩn này quy định các loại phế liệu giấy được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; các yêu cầu kỹ thuật, quản lý và mã HS quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chuẩn này.

1.1.2. Quy chuẩn này không điều chỉnh đối với phế liệu giấy nhập khẩu từ các doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu và sử dụng phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; các tổ chức đánh giá sự phù hợp có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu giấy từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

1.2.2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu giấy phát sinh từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. *Tạp chất* là các chất, vật liệu không phải là giấy lẫn trong phế liệu giấy nhập khẩu, bao gồm các chất, vật liệu bám dính hoặc không bám dính vào phế liệu giấy nhập khẩu. Tạp chất gồm hai loại: tạp chất là chất thải nguy hại và tạp chất không phải là chất thải nguy hại.

1.3.2. *Mã HS phế liệu nhập khẩu* là mã số phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu ghi trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành và Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

1.3.3. *Lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu* là lượng phế liệu giấy do một tổ chức, cá nhân nhập khẩu đăng ký thực hiện thủ tục hải quan cho một lần nhập khẩu vào Việt Nam; một lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu có thể gồm một hoặc một số khối hàng phế liệu giấy có mã HS khác nhau.

1.3.4. *Khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu* là lượng phế liệu giấy đã được lựa chọn, phân loại riêng theo một mã HS nhất định, thuộc lô hàng phế liệu giấy do một tổ chức, cá nhân nhập khẩu đăng ký thực hiện thủ tục hải quan; khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu có thể là một phần hoặc toàn bộ lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu.

1.3.5. *Danh mục phế liệu giấy được phép nhập khẩu* là các loại phế liệu giấy kèm theo mã HS được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất được quy định tại Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

1.3.6. *Tổ chức giám định được chỉ định* là tổ chức giám định đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP) và thuộc danh sách các tổ chức giám định được chỉ định thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP). Việc chỉ định, thừa nhận tổ chức giám định nước ngoài thực hiện giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định về phân loại, làm sạch phế liệu

2.1.1. Phế liệu giấy nhập khẩu bao gồm một hoặc một số khối hàng phế liệu giấy đã được phân loại riêng biệt theo từng mã HS thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2.1.2. Từng khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu phải được sắp xếp tách riêng trong lô hàng hoặc công ten nơ nhập khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám định tại địa điểm đăng ký thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Trong mỗi khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu được phép lẫn lượng phế liệu giấy có mã HS khác so với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu, cụ thể: Tỷ lệ khối lượng phế liệu giấy có mã HS khác (thuộc Danh mục phế liệu giấy được phép nhập khẩu) so với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu không vượt quá 20% tổng khối lượng của khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu;

2.1.4. Phế liệu giấy nhập khẩu phải được loại bỏ các chất, vật liệu, hàng hoá cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu tại Mục 2.3 Quy chuẩn này.

2.2. Quy định về loại phế liệu giấy được phép nhập khẩu

2.2.1. Các loại phế liệu giấy (bao gồm cả các loại giấy đã được tráng phủ bề mặt) và các tông được lựa chọn, phân loại từ giấy và các tông đã qua sử dụng hoặc bị loại ra trong quá trình sản xuất, phân loại, gia công, in ấn, được sử dụng để tái sản xuất thành giấy và các tông.

2.2.2. Các loại giấy quy định tại Mục 2.2.1 phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Quy chuẩn này.

2.3. Tạp chất không được lẫn trong phế liệu giấy nhập khẩu

2.3.1. Hoá chất, chất dễ cháy, chất dễ nổ, chất thải y tế nguy hại.

2.3.2. Vật liệu chứa hoặc nhiễm chất phóng xạ có nồng độ hoạt độ phóng xạ vượt quá mức quy định tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng (Phụ lục II - Mức thanh lý).

2.3.3. Tạp chất là chất thải nguy hại.

2.4. Tạp chất không mong muốn được phép bám dính trong phế liệu giấy nhập khẩu

2.4.1. Tạp chất bám dính như: bụi, đất, cát; dây buộc và vật liệu sử dụng để đóng kiện phế liệu giấy nhập khẩu.

2.4.2. Dư lượng hóa chất chống nấm, mốc, côn trùng sử dụng để bảo quản phế liệu giấy trước khi vận chuyển.

2.4.3. Tạp chất khác còn sót lại mà thường được sử dụng cùng với giấy như: đinh ghim, nilông, keo dán và vật liệu khác (trừ Mục 2.4.1 và Mục 2.4.2) còn bám dính hoặc rời ra từ phế liệu giấy nhập khẩu đáp ứng yêu cầu tại Mục 2.3 Quy chuẩn này. Trong mỗi lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu, tổng khối lượng các loại tạp chất quy định tại Mục 2.4.3 này không vượt quá 2% khối lượng của lô hàng.

2.5. Phế liệu giấy nhập khẩu phải có độ ẩm không vượt quá 20%.

3. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH

3.1. Kiểm tra, giám định đối với phế liệu nhập khẩu

Việc kiểm tra, giám định đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu được thực hiện thông qua kiểm tra, giám định tại hiện trường (kiểm tra bằng mắt thường và thiết bị đo nhanh) hoặc kiểm tra, lấy mẫu phân tích. Tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật kiểm tra, giám định phế liệu giấy nhập khẩu theo quy định tại Mục 3.1.1 và Mục 3.1.2 Quy chuẩn này. Kết quả kiểm tra phải được lập thành Biên bản theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chuẩn này.

3.1.1. Kiểm tra, giám định tại hiện trường:

a) Hoạt động kiểm tra, giám định tại hiện trường được thực hiện bằng mắt thường đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu với tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên theo mức độ quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật; ước tính tỷ lệ tạp chất, tỷ lệ các loại phế liệu giấy có mã HS khác (quy định tại Mục 2.1.3 Quy chuẩn

này) và kết hợp với thiết bị đo nhanh độ ẩm của phế liệu giấy trong lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu.

b) Việc kiểm tra, giám định tại hiện trường phải bao gồm các công việc sau:

- Kiểm tra tổng quát lô hàng: chủng loại, khối lượng phế liệu, chất lượng phế liệu nhập khẩu;
- Chụp ảnh các vị trí kiểm tra;
- Kiểm tra độ ẩm của giấy bằng thiết bị đo nhanh tại hiện trường;
- Kiểm tra tạp chất đi kèm: xác định loại tạp chất đi kèm, ước lượng tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng tạp chất đi kèm;
- Kiểm tra tỷ lệ các loại phế liệu giấy có mã HS khác (quy định tại Mục 2.1.3 Quy chuẩn này).

c) Căn cứ kết quả kiểm tra, giám định tại hiện trường, lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu được xử lý theo một trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu được kiểm tra, đánh giá phù hợp với Mục 2 của Quy chuẩn này, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 3 Quy chuẩn này cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục thông quan;
- Trường hợp lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu không phù hợp với Mục 2 của Quy chuẩn này, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 3 Quy chuẩn này cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp nghi ngờ, chưa xác định được lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu đáp ứng quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này thì thực hiện theo Mục 3.1.2 dưới đây.

3.1.2. Kiểm tra, giám định thông qua lấy mẫu phân tích:

a) Việc lấy mẫu để phân tích, đánh giá chất lượng phế liệu giấy nhập khẩu phù hợp với Mục 2 Quy chuẩn này phải bao gồm các công việc sau:

- Tiến hành lấy mẫu đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu theo phương pháp tại Mục 3.2.1 Quy chuẩn này, chụp ảnh tất cả các vị trí kiểm tra và các vị trí lấy mẫu; Việc lấy mẫu, niêm phong, bàn giao mẫu phải được thể hiện trong Biên bản kiểm tra theo mẫu tại Phụ lục 2 Quy chuẩn này;
- Xác định, đánh giá các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này. Trường hợp có sử dụng kết quả đo, phân tích, thử nghiệm, kết quả này phải được thực hiện bởi tổ chức quy định tại Mục 4.3 Quy chuẩn này;
- Đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu phải lấy từ 02 (hai) mẫu đại diện trở lên theo quy định tại Mục 3.2.1 Quy chuẩn này, kết quả giám định đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu là giá trị trung bình của các kết quả đo, phân tích, thử nghiệm mẫu đại diện.

b) Căn cứ kết quả đo, phân tích, thử nghiệm mẫu, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 3 Quy chuẩn này cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3.2. Lấy mẫu và xác định các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu:

3.2.1.1. Lấy mẫu để xác định tỷ lệ khối lượng, thành phần tạp chất:

a) Đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu là hàng rời (không chứa trong công ten nơ):

01 (một) mẫu đại diện là mẫu được lấy ngẫu nhiên tại 05 (năm) vị trí bất kỳ ở các điểm khác nhau của lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu (với khoảng cách giữa các điểm lấy mẫu tương đối đồng đều bảo đảm tính đại diện, theo một trong các hình: hình chữ nhật, hình vuông, hình chóp tam giác, hình chữ Z,...). Tổng khối lượng mẫu đại diện tối thiểu 50 kg. Trường hợp nghi ngờ lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu không đảm bảo yêu cầu quy định tại Mục 2 Quy chuẩn này, Tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật thực hiện lấy bổ sung mẫu đại diện của lô hàng theo phương pháp lấy mẫu quy định tại mục này, nhưng không quá 03 (ba) mẫu đại diện.

b) Đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu chứa trong các công ten nơ:

- Việc giám định chất lượng phế liệu giấy nhập khẩu được thực hiện trên cơ sở lấy và phân tích mẫu đại diện. Một mẫu đại diện bao gồm một hoặc một số mẫu ngẫu nhiên được trộn đều với nhau, sau đó lấy ra tối thiểu 10 kg từ khối mẫu đã được trộn đều để làm mẫu đại diện (khối lượng mẫu đại diện tối thiểu 10 kg);

- Mẫu ngẫu nhiên là mẫu được lấy tại 05 (năm) vị trí bất kỳ ở các điểm khác nhau của một công ten nơ được lựa chọn (với khoảng cách giữa các vị trí lấy mẫu tương đối đồng đều bảo đảm tính đại diện, theo một trong các hình: hình chữ nhật, hình vuông, hình chóp tam giác, hình chữ Z,...). Khối lượng một mẫu ngẫu nhiên tối thiểu 10 kg;

- Đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu có dưới 05 công ten nơ, lựa chọn 01 công ten nơ để lấy mẫu ngẫu nhiên và được coi là mẫu đại diện cho lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu;

- Đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu có từ 05 đến dưới 20 công ten nơ, lựa chọn 02 công ten nơ để lấy mẫu ngẫu nhiên. Mẫu đại diện là mẫu trộn đều của 02 mẫu ngẫu nhiên;

- Đối với lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu có từ 20 công ten nơ trở lên, lựa chọn 10% số công ten nơ để lấy các mẫu ngẫu nhiên (số lượng mẫu ngẫu nhiên được làm tròn số). Trường hợp số mẫu ngẫu nhiên nhỏ hơn 10 mẫu, các mẫu này được trộn đều với nhau thành một mẫu đại diện. Trường hợp số mẫu ngẫu nhiên lớn hơn 10 mẫu, cứ mỗi 10 mẫu ngẫu nhiên được trộn đều

thành một mẫu đại diện; số mẫu ngẫu nhiên lẻ còn lại (nếu có) được trộn đều thành một mẫu đại diện. Một lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu có thể có một hoặc một số mẫu đại diện.

3.2.1.2. Lấy mẫu để xác định tỷ lệ phế liệu giấy có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu (quy định tại Mục 2.1.3 Quy chuẩn này):

Lựa chọn ngẫu nhiên một khối hàng phế liệu giấy nhập khẩu khai báo để lấy mẫu đại diện. Mẫu đại diện được lấy tại 05 (năm) vị trí bất kỳ ở các điểm khác nhau (với khoảng cách giữa các điểm lấy mẫu tương đối đồng đều bảo đảm tính đại diện, theo một trong các hình: hình chữ nhật, hình vuông, hình chóp tam giác, hình chữ Z,...) của một công ten nơ ngẫu nhiên hoặc của một khối hàng rời được trộn đều với nhau thành một mẫu đại diện của lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu. Khối lượng mẫu đại diện tối thiểu 10 kg.

3.2.2. Phương pháp xác định tỷ lệ tạp chất (từ mẫu đại diện lấy theo phương pháp tại Mục 3.2.1.1 nêu trên):

Tiến hành tách, phân loại các tạp chất bằng các phương pháp cơ, lý để tách riêng tạp chất khỏi giấy và cân khối lượng của các tạp chất này.

Tỷ lệ phần trăm (%) tạp chất là tỷ lệ khối lượng các tạp chất so với tổng khối lượng mẫu đại diện.

3.2.3. Phương pháp xác định tỷ lệ phế liệu giấy có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu (quy định tại Mục 2.1.3 Quy chuẩn này) từ mẫu đại diện (lấy theo phương pháp tại Mục 3.2.1.2 nêu trên):

Tiến hành phân loại các loại phế liệu giấy có mã HS khác với mã HS khai báo.

Tỷ lệ phần trăm (%) các loại phế liệu giấy có mã HS khác với mã HS khai báo là tỷ lệ khối lượng các loại phế liệu giấy có mã HS khác so với tổng khối lượng mẫu đại diện.

3.2.4. Phương pháp xác định thành phần tạp chất (từ mẫu đại diện lấy theo phương pháp tại Mục 3.2.1.1 nêu trên):

a) Việc xác định nồng độ hoạt độ phóng xạ của lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu thực hiện theo TCVN 7469:2005 (ISO 11932:1996) - Tiêu chuẩn quốc gia về An toàn bức xạ - Đo hoạt độ vật liệu rắn được coi như chất thải không phóng xạ để tái chế, tái sử dụng hoặc chôn cất.

b) Việc xác định chất thải nguy hại, ngưỡng chất thải nguy hại trong lượng tạp chất tách ra từ phế liệu giấy nhập khẩu thực hiện theo QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại được ban hành theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

3.2.5. Việc xác định độ ẩm trong lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu thực hiện theo TCVN 1867:2010 (ISO 287:2009) - Tiêu chuẩn quốc gia về Giấy và các tông - Xác định hàm lượng ẩm của một lô - Phương pháp sấy khô.

4. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu vào Việt Nam phải được kiểm tra, giám định, đánh giá sự phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Mục 2 Quy chuẩn này. Kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật là cơ sở để Cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

4.2. Việc giám định phế liệu giấy nhập khẩu được thực hiện bởi tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

4.3. Việc lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm xác định tỷ lệ tạp chất, độ ẩm của phế liệu giấy, tỷ lệ các loại phế liệu giấy có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu được thực hiện bởi tổ chức giám định được chỉ định.

Việc lấy mẫu và phân tích để xác định ngưỡng chất thải nguy hại phải được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định.

Việc xác định các thông số khác (nếu có) được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

4.4. Tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Tài liệu gửi kèm theo Chứng thư giám định bao gồm: Biên bản kiểm tra; Ảnh chụp các vị trí kiểm tra, vị trí lấy mẫu; Phiếu trả kết quả đo, phân tích, thử nghiệm của các mẫu đại diện (trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm) được cung cấp bởi tổ chức quy định tại Mục 4.3 Quy chuẩn này.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Cơ quan Hải quan và tổ chức, cá nhân liên quan đến việc nhập khẩu phế liệu giấy từ nước ngoài phải tuân thủ quy định tại Quy chuẩn này.

5.2. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

5.3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. Trường hợp các tiêu chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo văn bản mới./.

Phụ lục 1

Danh mục phế liệu giấy được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 33:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

TT	Tên phế liệu	Mã HS
1	Giấy kraft hoặc bì kraft hoặc giấy hoặc bì sóng, chưa tẩy trắng	4707 10 00
2	Giấy hoặc bì khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ	4707 20 00
3	Giấy hoặc bì được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình cơ học (ví dụ, giấy in báo, tạp chí và các ấn phẩm tương tự)	4707 30 00

Phụ lục 2**Mẫu biên bản kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu
làm nguyên liệu sản xuất****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN****Kiểm tra, giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu**

Căn cứ quy định tại QCVN 33:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Hôm nay, vào hồi..., ngày ..., tại..... chúng tôi tiến hành kiểm tra, giám định chất lượng lô hàng phế liệu nhập khẩu, với các nội dung như sau:

1. Thành phần tham dự

1.1. Tổ chức giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu:

Ông/bà:, chức vụ:

1.2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu:

Ông/bà:, chức vụ:

2. Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu và lô hàng phế liệu kiểm tra

- Tên tổ chức, cá nhân:

- Địa chỉ:

- Giấy phép môi trường số: ngày do (cơ quan) cấp.

- Văn bản xác nhận đã ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Văn bản số... và kèm theo đầy đủ các thông tin ký quỹ đã được tổ chức tín dụng xác nhận);

- Thông tin về lô hàng phế liệu nhập khẩu: (Hợp đồng số...; Hóa đơn số...; Vận đơn số...; Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số...; Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) số... (nếu có); Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu số... (nếu có); Ảnh chụp thực tế; Danh mục phế liệu nhập khẩu (nêu rõ tên và mã HS); Số lượng hàng: số lượng công ten nơ/ khối lượng phế liệu thuộc lô hàng rời,...).

3. Nội dung và kết quả kiểm tra, giám định (kiểm tra, giám định hiện trường hoặc kiểm tra, giám định thông qua lấy mẫu phân tích)

3.1. Kiểm tra, giám định tại hiện trường (bằng mắt thường):

3.1.1. Số công ten nơ/phương tiện vận chuyển (hàng rời) đăng ký kiểm tra, giám định:

3.1.2. Số công ten nơ/phương tiện vận chuyển (hàng rời) được kiểm tra, giám định: kiểm tra số lượng công ten nơ lô hàng phế liệu nhập khẩu theo quy định quản lý rủi ro theo hướng dẫn, giám sát của Cơ quan Hải quan hoặc kiểm tra,

QCVN 33:2024/BTNMT

giám định các khối hàng rời tại các phương tiện vận chuyển (*ghi cụ thể số hiệu từng công ten nơ/phương tiện vận chuyển được kiểm tra*);

3.1.3. Kết quả kiểm tra, giám định hiện trường bằng mắt thường: kết luận chất lượng của lô hàng phế liệu nhập khẩu đáp ứng yêu cầu của QCVN 33:2024/BTNMT (*ghi rõ đáp ứng, không đáp ứng hay cần phải lấy mẫu phân tích*);

3.2. Kiểm tra, giám định thông qua lấy mẫu phân tích:

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu: (*ghi rõ phương pháp lấy mẫu*);

3.2.2. Thông tin về mẫu đại diện đã lấy:

Ký hiệu mẫu đại diện	Mục đích lấy mẫu	Số lượng mẫu lấy	Khối lượng mẫu (kg)	Công ten nơ/phương tiện được lấy mẫu	Ghi chú
	Xác định tỷ lệ phế liệu giấy có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu				
	Xác định độ ẩm của phế liệu giấy				
	Xác định tỷ lệ khối lượng, thành phần tạp chất				
	Xác định ngưỡng chất thải nguy hại				
					

- Mẫu đại diện được niêm phong có sự chứng kiến và có chữ ký của đại diện ... (*Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu*) và ... (*Tổ chức giám định*). Tem niêm phong mẫu phải bao gồm tối thiểu thông tin về: Ký hiệu mẫu đại diện; Đặc điểm mẫu (kích thước, khối lượng, bao bì chứa đựng mẫu); Thời gian lấy mẫu.

3.2.3. Thông tin về việc bàn giao, lưu giữ mẫu đại diện đã lấy:

- Mẫu đại diện được chia làm 02 đơn vị mẫu: một đơn vị mẫu được giao cho ... (*Tổ chức giám định*); một đơn vị mẫu được giao cho ... (*Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu*) để lưu giữ và bảo quản.

4. Nội dung khác (nếu có):

Biên bản kiểm tra được lập tại, kết thúc lúc ngày....., được lập thành ... bản có giá trị pháp lý như nhau, được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên; mỗi bên tham gia giữ 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3**Mẫu Chứng thư giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu
làm nguyên liệu sản xuất****TÊN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**

(Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ, số điện thoại, fax, e-mail, website,...)

Số/.....

(Địa danh), ngày.... tháng....năm

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU*(Chứng thư giám định phải được thể hiện đầy đủ các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân nhập khẩu, lô hàng phế liệu nhập khẩu và kết quả giám định lô hàng phế liệu nhập khẩu, bao gồm các thông tin chính dưới đây)***1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu và lô hàng phế liệu nhập khẩu:**

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ:
- Giấy phép môi trường số: ngày do (cơ quan cấp).
- Giấy xác nhận ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:
- Địa điểm kiểm tra, giám định:
- Thời gian kiểm tra, giám định:
- Hợp đồng số:
- Danh mục hàng hóa (phế liệu) số:
- Hóa đơn số:
- Vận đơn số:
- Tờ khai hàng hóa (phế liệu) nhập khẩu số:
- Chứng loại phế liệu nhập khẩu (nêu rõ tên và mã HS):
- Số lượng hàng: số công ten nơ/khối lượng phế liệu thuộc lô hàng rời.

2. Nội dung kiểm tra, giám định: giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu phù hợp QCVN 33:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.**3. Phương pháp kiểm tra, giám định:** bằng mắt thường hoặc phải lấy mẫu phân tích để xác định (ghi cụ thể phương pháp kiểm tra, giám định từng lô hàng).**4. Kết quả kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu**

4.1. Tỷ lệ mã HS khác so với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu (Mục 2.1.3 QCVN 33:2024/BTNMT):

Phế liệu có mã HS thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu:

- Không vượt quá 20%: ☐

QCVN 33:2024/BTNMT

- Vượt quá 20%: ☐

(Trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, cần phải ghi giá trị cụ thể)

4.2. Độ ẩm của phế liệu giấy:

- Không vượt quá 20%: ☐

- Vượt quá 20%: ☐

(Trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, cần phải ghi giá trị cụ thể)

4.3. Tạp chất không được lẫn trong phế liệu nhập khẩu (quy định tại Mục 2.4 của QCVN 33:2024/BTNMT):

- Không: ☐

- Có: ☐

(Trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm, cần phải ghi cụ giá trị kết quả đo, phân tích, thử nghiệm)

4.4. Tỷ lệ khối lượng tạp chất được phép bám dính trong phế liệu nhập khẩu (quy định tại Mục 2.4.3 QCVN 33:2024/BTNMT):

- Không vượt quá 2%: ☐

- Vượt quá 2%: ☐

(Trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, cần phải ghi giá trị cụ thể)

4.5. Nội dung khác theo quy định kỹ thuật tại Mục 2 QCVN 33:2024/BTNMT: (nếu có):

5. Kết luận về chất lượng lô hàng phế liệu nhập khẩu: *(phải đánh giá lô hàng phế liệu nhập khẩu có đáp ứng hay không đáp ứng của QCVN 33:2024/BTNMT).*

Tài liệu gửi kèm theo Chứng thư giám định bao gồm: (1) Biên bản kiểm tra; (2) Ảnh chụp các vị trí kiểm tra, vị trí lấy mẫu; (3) Phiếu trả kết quả đo, phân tích, thử nghiệm của các mẫu đại diện (trường hợp phải lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm).

... (Tên tổ chức giám định)... chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về kết quả kiểm tra, giám định chất lượng lô hàng phế liệu nhập khẩu theo QCVN 33:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu giấy nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất. Tài liệu, mẫu lưu theo quy định của pháp luật được sử dụng để phân tích, đối chiếu với kết quả kiểm tra, giám định lại (nếu có) trong trường hợp có nghi ngờ kết quả giám định hoặc có khiếu nại, tố cáo, có dấu hiệu vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân./.

GIÁM ĐỊNH VIÊN
(Ký ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN GIÁM ĐỊNH
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)